

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Thanh Quyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Giang

Ông Nguyễn Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Nghiên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1984; Địa chỉ: khu V, phường B, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, ông M và bà T tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là thị xã L) vào ngày 06/01/2012.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xảy ra cự cãi, không có sự chia sẻ lẫn nhau, ảnh hưởng đến cuộc sống hằng ngày của gia đình. Nhận thấy, đời sống vợ chồng không thể hòa hợp và duy trì được nữa nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T. Về con chung, nợ chung: Không có, về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Bích T trình bày: Bà T và ông M có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. C sống với nhau được khoảng 10 năm thì đến khoảng năm 2023, bà T và ông M không còn sống chung. Bà T thống nhất ly hôn. Về con chung, nợ chung: Không có. Về tài sản chung: Có nhưng thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà Tiền đề n Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến như sau: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M. Ông M được ly hôn với bà T. Về con chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về tài sản chung: Đương sự khai có nhưng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn thị xã L nên Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Phạm Thị Bích T có yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông M và bà T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là thị xã L) vào ngày 06/01/2012 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét nguyên nhân yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc M, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng ông bà hạnh phúc về sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn của ông bà vẫn không thể hàn gắn được, ông M cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà T, bà T cũng thống nhất ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông M và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông M.

[2.2] Về con chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập

giải quyết trong vụ án này. Về tài sản chung: Đương sự khai có tài sản nhưng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc M và bà Phạm Thị Bích T được ly hôn.

[3] Về con chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo lai thu số 0007743 lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Ông Nguyễn Ngọc M đã nộp xong án phí.

[6] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/9/2024). Bị đơn bà Phạm Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Thanh Quyền**

